

Bản án số: 92/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-10-2019
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn,
nuôi con và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Trịnh Hữu Chinh;**

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà **Hồ Thị Mai Hương**

Ông **Phạm Phước Tâm**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Võ Thị Kim Hoa** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 559/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B (L), sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 23, Ấp B, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Tiêu Văn X, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị B có mặt, anh X có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị B và anh X sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc. Thời gian gần đây, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cự cãi trong gia đình. Thời gian kéo dài làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không tìm được tiếng nói chung. Hai bên có tìm cách hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Xét thấy hôn nhân không đạt được mục đích. Nay chị B yêu cầu được ly hôn và yêu cầu Tòa án không công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Tiêu Văn X là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Tiêu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 29/8/2005 hiện đang sống chung với chị B và Tiêu Nguyễn Trà M, sinh ngày

18/9/2011 hiện đang sống chung với anh X . Khi ly hôn chị Bé yêu cầu được nuôi con chung Hoài T, đồng ý để con chung Trà M cho anh X nuôi dưỡng, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Tại biên bản hòa giải anh Tiêu Văn X là bị đơn trình bày: Anh X thừa nhận thời gian chung sống với nhau, cũng như việc vợ chồng sống chung mà không có đăng ký kết hôn như chị B trình bày, vợ chồng sống chung không hợp nhau là đúng, hiện không còn sống chung. Nay vợ chồng không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh X đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị B và yêu cầu Tòa án không công nhận anh Tiêu Văn X và chị Nguyễn Thị B là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Tiêu Nguyễn Hoài T , sinh ngày 29/8/2005 hiện đang sống chung với chị B và Tiêu Nguyễn Trà M, sinh ngày 18/9/2011 hiện đang sống chung với anh X . Khi ly hôn anh X yêu cầu được nuôi con chung Trà M, đồng ý để con chung Hoài T cho chị B nuôi dưỡng, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

1. Giấy trích lục khai sinh Tiêu Nguyễn Trà M (Bản sao).
2. Giấy trích lục khai sinh Tiêu Nguyễn Hoài T (Bản sao).
3. Đơn xin xét xử vắng mặt, đề ngày 14/10/2019 của anh Tiêu Văn X.
4. Bản tự khai của Tiêu Hoài T và Tiêu Nguyễn Trà M.

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 02/4/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Tiêu Văn X, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, con chung và tài sản chung” theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện đang cư trú tại xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Xét thấy, bị đơn anh Tiêu Văn X có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung, xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị B và anh X sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002, vợ chồng không có đăng ký kết hôn và thừa nhận hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Mặc dù, việc sống chung của chị B và anh X đều được hai bên thừa nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Do đó, không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “...*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Vì vậy, không công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Tiêu Văn X là vợ chồng.

- Về con chung: Chị B và anh X thừa nhận có 02 con chung tên Tiêu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 29/8/2005 hiện đang sống chung với chị B và Tiêu Nguyễn Trà M, sinh ngày 18/9/2011 hiện đang sống chung với anh X. Căn cứ vào bản tự khai, cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị B, cháu M có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh X. Đồng thời, Chị B và anh X thỏa thuận như sau:

Chị Nguyễn Thị B được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Tiêu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 29/8/2005. Anh Tiêu Văn X được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Tiêu Nguyễn Trà M, sinh ngày 18/9/2011. Chị B và anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị B và anh X không có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị B và anh Tiêu Văn X có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoài T và anh X là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trà M, tuy nhiên chị B và anh X không có yêu cầu người còn lại có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy đây là sự tự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị B và anh X trình bày thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị B và anh X trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ chung.

[5]. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án chi B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chi B đã nộp theo Biên lai số 0003349 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14; Khoản 2 Điều 53; Điều 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Tiêu Văn X là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị B được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Tiêu Nguyễn Hoài T , sinh ngày 29/8/2005. Anh Tiêu Văn X được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Tiêu Nguyễn Trà M, sinh ngày 18/9/2011. Chị B và anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị B và anh X không có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị B và anh Tiêu Văn X có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo Biên lai số 0003349 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Hữu Chinh